

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2025/HS-ST

Ngày: 19/5/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Chánh

2/ Ông Huỳnh Thế Cần - Nguyên Bí thư phường Đoàn Thống Nhất, thành phố Biên Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 238/2025/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025, đối với bị cáo:

Trần Phi Q (tên gọi khác: Không), sinh năm 2002 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Số 19, ấp TB, xã BM, huyện TB, tỉnh ĐN; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 04/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; Con ông Trần Quang C, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1965; Gia đình bị cáo có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình; chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 10/01/2025 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định huỷ bỏ quyết định tạm giữ số: 1471/QĐ-VKSBH ngày 10/01/2025; Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

- Bị hại:

1. Cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/9/2011 (Có mặt);

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

1. Bà Võ Thị N1, sinh năm 1973 (Mẹ của cháu N);

2. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1973 (Cha của cháu N);

Cùng hộ khẩu thường trú: ấp TH, xã TH, huyện CN, tỉnh CM;

Cùng chỗ ở hiện nay: Số 441, tổ 38, khu phố 5A, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN.

(Ông N2, bà N1 có mặt).

- *Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Ông Nguyễn Doãn N3 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 12/2024 (không rõ ngày), thông qua mạng xã hội facebook, Trần Phi Q, sinh ngày 28/7/2002 quen biết cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/9/2011, ngụ tại ấp TH, xã TH, huyện CN, tỉnh CM; chỗ ở hiện nay: Số 441, tổ 38, khu phố 5A, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN. Lợi dụng cháu Nhi còn nhỏ tuổi, nhận thức bảo vệ bản thân còn hạn chế, Q đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/12/2024, Q điều khiển xe mô tô Biển số 60C1-091.23 đến Trường THCS TH (nơi cháu N học) thuộc phường TH, thành phố BH, chở cháu N đi chơi. Sau đó, Q chở cháu N đến bên hông tường của Công ty IV, địa chỉ: Lô 220 đường số 10, KCN Amata, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN ngồi chơi. Tại đây, Q và cháu N ngồi ôm nhau, Q dùng miệng hôn vào miệng của cháu N, dùng tay phải cởi cúc áo và cúc quần của cháu N ra rồi dùng tay phải sờ vú và sờ bên ngoài âm hộ của cháu N rồi dừng lại. Sau đó, Q chở cháu N về nhà.

Đến ngày 30/12/2024, bà Võ Thị N1 (mẹ của cháu N) phát hiện sự việc đã đến Công an phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa trình báo sự việc và có đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an thành phố Biên Hòa.

Đến ngày 31/12/2024, Q bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố Biên Hòa bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra Trần Phi Q khai nhận hành vi phạm tội như trên.

* Vật chứng vụ án:

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Biên Hòa thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSM màu vàng gold, IMEI 357266097161570 của Trần Phi Q không liên quan đến vụ án.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha, Biển số 60C1-091.23; số máy: 5C64510094, số khung: RLCS5C640BY510090.

Qua điều tra xác định: Q khai mượn xe mô tô Biển số 60C1-091.23 của chị Trần Thị Tân N4 (chị của Q), sinh năm 1993, ngụ tại: Số 19, ấp TB, xã BM, huyện TB, tỉnh ĐN để sử dụng. Chị N4 cho Q mượn xe mô tô để sử dụng và không biết Q dùng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội. Xe mô tô trên do anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1981, ngụ tại: ấp 3, xã TA, huyện LT, tỉnh ĐN đăng ký sở hữu. Anh H đã bán xe mô tô trên cho chị Trần Thị Tân N4 nên Cơ quan CSĐT Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại xe cho chị N4.

* Tại Kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số: 1392/KLTDTE-TTPYĐN ngày 06/01/2025 của Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận:

- Màng trinh: Hình khe, đường kính lỗ trinh 1,3cm. Màng trinh không rách, bờ mép, thân và chân màng trinh không phù nề, không xung huyết, không chảy máu.

- Kết quả giám định tìm tinh trùng trong dịch âm đạo: Không tìm thấy tinh trùng trong dịch âm đạo.

* Kết luận giám định mô bệnh học số: B085/KLMBH-TTPYĐN ngày 02/01/2025 của Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận: Không tìm thấy tinh trùng trong dịch âm đạo.

* Trách nhiệm dân sự: Bà Võ Thị N1 là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Yến N yêu cầu bị cáo Trần Phi Q bồi thường tổn thất tinh thần và các chi phí khác cho bị hại số tiền 51.592.000 đồng (Năm mươi một triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng). Bị cáo Q chưa bồi thường.

Cáo trạng số: 261/CT-VKSBH ngày 04/04/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố Trần Phi Q về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 146 của Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Trần Phi Q và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 146; Điều 38; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+ Xử phạt bị cáo Trần Phi Q mức án tù 14 đến 18 tháng tù, về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Trả lại cho bị cáo Trần Phi Q 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone XSM màu vàng gold, IMEI 357266097161570 của Trần Phi Q không liên quan đến vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Ông Nguyễn Doãn N3 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Yến N tại phiên tòa cho rằng:

Thống nhất với tội danh, khoản, điều mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố đối với bị cáo Trần Phi Q về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 146 của Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi của bị cáo Trần Phi Q đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng về mặt tinh thần đối với bị hại Nguyễn Thị Yến N. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án, tiền sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ nêu trên theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi nghị án.

Về dân sự: Đề nghị HĐXX ghi nhận tại phiên tòa bị cáo Q đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Yến N số tiền là 28.400.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Bị cáo Trần Phi Q nói lời sau cùng: Kính xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Phi Q đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ lời khai của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại tại phiên tòa, đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và các chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ đã đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/12/2024, tại bên hông tường của Công ty IV, địa chỉ: Lô 220 đường số 10, KCN Amata, phường LB, thành phố BH, tỉnh ĐN, Trần Phi Q có hành vi đâm ô đối với cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 24/9/2011 (dùng miệng hôn vào miệng, dùng tay sờ vào vú và sờ bên ngoài âm hộ của cháu N) khi cháu N chưa đủ 16 tuổi.

Hành vi nêu trên của bị cáo Trần Phi Q đã phạm vào tội “Đâm ô đối với người dưới 16 tuổi” và bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 146 của Bộ luật Hình sự 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án, tiền sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[6]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Q 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSM màu vàng gold, IMEI 357266097161570 không liên quan đến vụ án nên trả lại tài sản cho bị cáo theo quy định.

[7]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- Tại đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 25/02/2025, bà Võ Thị N1 là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Yến N yêu cầu bị cáo Trần Phi Q bồi thường thiệt hại gồm: Chi phí giám định, thu nhập thực tế bị mất, chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục thiệt hại và tổn thất tinh thần số tiền cho bị hại số tiền 51.592.000 đồng (Năm mươi một triệu năm trăm chín mươi hai ngàn đồng). Bị cáo Q chưa bồi thường thiệt hại.

- Tại đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 21/4/2025, bà Võ Thị N1 là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị Yến N yêu cầu bị cáo Trần Phi Q bồi thường thiệt hại cho bị hại như sau:

1. Tiền tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở x 2.340.000 đồng = 23.400.000 đồng;

2. Tiền chi phí đi lại, ăn uống, xăng xe chở cháu N đi giám định, đến cơ quan Công an làm việc nhiều lần chi phí số tiền là 5.000.000 đồng (không có hoá đơn, chứng từ).

Tổng cộng (1 + 2): 23.400.000 đồng + 5.000.000 đồng = 28.400.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Tại phiên toà, bà Võ Thị N1 và ông Nguyễn Văn N2 đề nghị HĐXX căn cứ đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại ngày 21/4/2025 nêu trên buộc bị cáo Trần Phi Q bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Yến N số tiền là 28.400.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Ngoài ra, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác.

Tại phiên toà, bị cáo Q đồng ý bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Yến N số tiền 28.400.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Ý chí của bị cáo là tự nguyện nên ghi nhận.

[8]. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bị cáo Trần Phi Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.420.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng) theo quy định.

[9]. Xét quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại của ông Nguyễn Doãn N3 tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 146; Điều 38; Điều 46; các điểm i, s khoản 1, khoản 2

Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 592 của Bộ luật Dân sự; các Điều 45, 106, 135, 136, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Phi Q phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”.

- Xử phạt bị cáo Trần Phi Q 01 (Một) năm tù, nhưng được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 01/01/2025 đến ngày 10/01/2025. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bị áp giải thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo Trần Phi Q 01 điện thoại di động hiệu Iphone XSM màu vàng gold, IMEI 357266097161570 (đã qua sử dụng).

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 05/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- Buộc bị cáo Trần Phi Q phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Thị Yến N số tiền là 28.400.000 đồng (Hai mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Bà N1 và ông N2 là người đại diện hợp pháp của bị hại nhận số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Phi Q phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.420.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi ngàn đồng).

5. Về kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Phân trại tạm Khu vực Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;

- Bị cáo;
- Bị hại; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn